

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ
phi Chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài;

Căn cứ Thông tư số 07/2010/TT-BKH ngày 30/3/2010 về Hướng dẫn thi hành Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại tờ trình số 334/TT-SKHĐT ngày 27/5/2011;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp Sở Ngoại vụ và các Sở, ban, ngành có liên quan tổ chức thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc và định kỳ báo cáo kết quả về UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Ngoại vụ; Giám đốc Công an tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ban hành.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

- Nơi nhận:
- Như điều 3;
 - VP Chính phủ; Cục KTVB và T.Đ.Đ.
 - Các Bộ: KH&ĐT, Tài chính;
 - Liên hiệp các TCHNVN;
 - Ban điều phối viện trợ nhân dân (FACEOM);
 - Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
 - TT Tỉnh Ủy, TT UBND tỉnh;
 - CT các PCT UBND tỉnh;
 - Các PC VP UBND tỉnh;
 - UB MTTQVN tỉnh; các đoàn thể nhân dân tỉnh;
 - Đài PTTH tỉnh;
 - Báo Đắk Lắk;
 - Công báo tỉnh;
 - Website tỉnh;
 - Lưu VT, TH (mỗi 1 bộ).



Lê Ngọc Cư

QUY CHẾ

Quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

(Ban hành kèm theo Quyết định số 16 /2011/QĐ-UBND ngày 17/2011
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

1. Quy chế này điều chỉnh các hoạt động quản lý và sử dụng các nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (sau đây gọi tắt là viện trợ PCPNN) đề cập trong Quy chế này được hiểu là viện trợ không hoàn lại, không vì mục đích lợi nhuận của Bên tài trợ dưới hình thức tiền, hiện vật, tri thức và các hình thức khác để thực hiện các mục tiêu phát triển và nhân đạo dành cho Việt Nam nói chung và tỉnh Đắk Lắk nói riêng.

Đối với các nội dung không được đề cập trong Quy chế này, thống nhất thực hiện theo quy định tại Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài.

2. Các điều chỉnh về Bên tài trợ và phương thức cung cấp viện trợ PCPNN thực hiện theo quy định tại Khoản 2 và 3, Điều 1 Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP.

3. Các đối tượng được tiếp nhận viện trợ là các tổ chức thành lập theo pháp luật Việt Nam; có chức năng, nhiệm vụ và hoạt động phù hợp với mục tiêu và nội dung của các khoản viện trợ PCPNN tiếp nhận (sau đây được gọi là Bên tiếp nhận) gồm:

a) Các cơ quan Trung ương đóng tại tỉnh hoặc có các khoản viện trợ thực hiện trên địa bàn tỉnh;

b) UBND tỉnh Đắk Lắk và các cơ quan, tổ chức của UBND tỉnh Đắk Lắk;

c) Các cơ quan, tổ chức quy định tại điểm b và c, Khoản 4, Điều 1, Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP;

d) Các tổ chức quy định tại điểm d và e, Khoản 4, Điều 1, Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Các thuật ngữ được sử dụng trong Quy chế được giải thích tại Điều 4, Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP.

Riêng đối với thuật ngữ "cơ cấu chủ quản" trong Quy chế này được hiểu là UBND tỉnh Đắk Lắk hoặc các cơ quan quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều 1 Quy chế này hoặc các cơ quan chịu trách nhiệm quản lý trực tiếp đối với các tổ chức nêu tại Điểm d, Khoản 3, Điều 1 Quy chế này.

Chương II

VẬN ĐỘNG, ĐÀM PHÁN VÀ KÝ KẾT CÁC KHOẢN VIỆN TRỢ PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI

Điều 3. Công tác vận động viện trợ PCPNN

Sở Ngoại vụ tỉnh Đắk Lắk là cơ quan đầu mối trong quan hệ và vận động viện trợ PCPNN trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Công tác vận động viện trợ PCPNN trên Đắk Lắk được tiến hành theo định hướng sau:

1. Vận động viện trợ PCPNN đi a trên các lĩnh vực ưu tiên vận động viện trợ quy định tại Điều 3 Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP.

2. Vận động viện trợ PCPNN cho các mục tiêu phát triển được thực hiện trên cơ sở nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, chương trình đầu tư công cộng, định hướng và kế hoạch thu hút, sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ bên ngoài của tỉnh, các ngành và địa phương trong từng thời kỳ.

3. Vận động viện trợ cho các mục đích nhân đạo được thực hiện trên cơ sở tình hình xã hội và nhu cầu thực tế của Bản tiếp nhận trong từng thời kỳ.

- UBND tỉnh khuyến khích các cơ quan, đơn vị, địa phương và cá nhân chủ động tham gia vận động viện trợ PCPNN

Điều 4. Đàm phán, ký kết viện trợ PCPNN

1. Đối với các khoản viện trợ PCPNN thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh cơ mức vốn từ 50.000 USD trở lên, Chủ tịch UBND tỉnh chủ trì hoặc ủy quyền cho Sở Ngoại vụ thực hiện đàm phán.

Đối với các khoản viện trợ PCPNN thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh có mức vốn dưới 50.000 USD, Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền Sở Ngoại vụ thực hiện đàm phán.

2. Việc ký kết văn kiện chương trình, dự án hoặc Thỏa thuận viện trợ PCPNN được thực hiện theo các quy định hiện hành và chỉ tiến hành sau khi văn kiện chương trình, dự án hoặc bản dự thảo Thỏa thuận viện trợ PCPNN đối với các khoản viện trợ PCPNN đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt và được cơ quan chủ quản thông báo chính thức bằng văn bản cho Bên tài trợ.

Chương III

CHUẨN BỊ, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT CÁC KHOẢN VIỆN TRỢ PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI

Điều 5. Nội dung chủ yếu của văn kiện chương trình, dự án và hồ sơ viện trợ phi dự án

1. Đối với văn kiện chương trình, dự án viện trợ PCPNN:

- Nội dung văn kiện được lập theo quy định tại Khoản 1, Điều 9, Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP.

- Đối với văn kiện dự án đầu tư sử dụng vốn viện trợ PCPNN phải được xây dựng theo quy định hiện hành về quản lý đầu tư và xây dựng công trình, bổ sung thêm lý do sử dụng vốn viện trợ PCPNN.

- Kết cấu văn kiện chương trình, dự án phải được xây dựng theo mẫu phụ lục 1a (đối với dự án Hỗ trợ kỹ thuật), 1b (đối với Dự án đầu tư), 1c (đối với Chương trình), của Thông tư số 07/2010/TT-BKH ngày 30/3/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn thi hành Nghị định số 93/2009/NĐ-CP.

2. Đối với khoản viện trợ phi dự án:

Hồ sơ đáp ứng theo quy định tại Khoản 3, Điều 9, Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP.

Đối với các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk, cơ quan chủ quản và cơ quan phê duyệt khoản viện trợ PCPNN trong văn kiện dự án được hiểu là UBND tỉnh Đắk Lắk.

Điều 6. Thẩm định khoản viện trợ PCPNN thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh.

1. Đối với các khoản viện trợ PCPNN thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh quy định tại Điểm b, Khoản 1 Điều 8 Quy chế này, Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chủ trì tổ chức thẩm định.

2. Quy trình thẩm định thực hiện theo Quy định tại Khoản 2, Điều 4, Thông tư số 07/2010/TT-BKH.

a. Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ của bộ hồ sơ thẩm định.

Đánh giá tính hợp lệ của bộ hồ sơ thẩm định trên cơ sở các quy định tại Khoản 3 Điều 3 Thông tư số 07/2010/TT-BKH.

b. Bước 2: Tiến hành thu nhận ý kiến các cơ quan, đơn vị và địa phương có liên quan.

c. Bước 3: Thẩm định.

Trường hợp hồ sơ khoản viện trợ PCPNN chưa hoàn thiện, Sở Kế hoạch và Đầu tư yêu cầu chủ khoản viện trợ PCPNN bổ sung, chỉnh sửa và hoàn thiện hồ sơ, dự án và tiến hành các bước như đã nêu trên.

Nếu hồ sơ đã đầy đủ và hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư tiến hành thẩm định theo một trong 2 quy trình sau:

- Tổng hợp ý kiến thẩm định: Trường hợp khoản viện trợ PCPNN có nội dung rõ ràng, đầy đủ và không có ý kiến phản đối của các cơ quan được lấy ý kiến. Sở Kế hoạch và Đầu tư chuẩn bị báo cáo kết quả thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt việc tiếp nhận khoản viện trợ PCPNN.

- Tổ chức hội nghị thẩm định: Trường hợp không áp dụng được hình thức tổng hợp ý kiến thẩm định, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tổ chức hội nghị thẩm định, thành phần được dự mời bao gồm các đơn vị được lấy ý kiến, chủ khoản viện trợ và các đơn vị có liên quan.

Trường hợp hội nghị thẩm định kết luận thông qua hồ sơ khoản viện trợ PCPNN, Sở Kế hoạch và Đầu tư chuẩn bị báo cáo kết quả thẩm định, kèm theo biên bản thẩm định trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt việc tiếp nhận khoản viện trợ PCPNN.

Trường hợp hội nghị thẩm định không thông qua hồ sơ khoản viện trợ PCPNN, trên cơ sở kết luận tại hội nghị, Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Yêu cầu chủ khoản viện trợ hoàn thiện văn kiện chương trình, dự án; bổ sung các hồ sơ pháp lý khác có liên quan trong vòng 05 ngày làm việc và tiến hành các bước như đã nêu trên (trong trường hợp hồ sơ dự án chưa rõ ràng, thiếu tính thuyết phục).

- Báo cáo UBND tỉnh, xin ý kiến chủ đạo (trong trường hợp dự án chưa thể phê duyệt vì các lý do khác).

Biên bản thẩm định theo mẫu Phụ lục 2 và dự thảo Quyết định phê duyệt nội dung khoản viện trợ theo Phụ lục 3a (đối với văn kiện chương trình, dự án) và phụ lục 3b (đối với viện trợ phi dự án) của Thông tư số 07/2010/TT-BKH.

3. Trong quá trình thẩm định, Sở Kế hoạch và Đầu tư phải làm rõ các nội dung được quy định chi tiết tại Khoản 5, Điều 10 (đối với văn kiện chương trình, dự án) và tại Điểm d, Khoản 2, Điều 11 (đối với viện trợ phi dự án) của Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP.

4. Các cơ quan hữu quan tham gia thẩm định chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thẩm định chương trình, dự án viện trợ PCPNN có liên quan đến phạm vi trách nhiệm quản lý của mình.

Điều 7. Hồ sơ, báo cáo thẩm định và thời hạn thẩm định khoản viện trợ PCPNN

1. Hồ sơ thẩm định

a) Đối với các khoản viện trợ PCPNN thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ phải lập 8 bộ hồ sơ hợp lệ, trong đó có ít nhất một bộ tài liệu gốc. Các tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo, gồm:

- Văn bản đề nghị trình phê duyệt của UBND tỉnh;
- Văn bản của bên tài trợ thống nhất với nội dung khoản viện trợ PCPNN và thông báo hoặc cam kết xem xét tài trợ cho khoản viện trợ PCPNN đó;
- Dự thảo văn kiện chương trình, dự án, danh mục các khoản viện trợ dự án (bằng cả tiếng Việt và tiếng nước ngoài) và dự thảo Thỏa thuận viện trợ PCPNN cụ thể (nếu được yêu cầu để ký kết thay văn kiện chương trình, dự án sau này);
- Toàn bộ văn bản góp ý kiến của các cơ quan liên quan về khoản viện trợ PCPNN;
- Các văn bản ghi nhớ với Bên tài trợ, báo cáo của đoàn chuyên gia thẩm định thực hiện theo yêu cầu của nhà tài trợ (nếu có);
- Bản sao Giấy đăng ký hoạt động và (hoặc) bản sao giấy tờ hợp pháp về tư cách pháp nhân của Bên tài trợ.

b) Đối với các khoản viện trợ PCPNN thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh, phải lập 8 bộ hồ sơ hợp lệ. Bao gồm:

- Văn bản đề nghị trình phê duyệt của cơ quan chủ quản hoặc chủ khoản viện trợ PCPNN (trong trường hợp UBND tỉnh trực tiếp quản lý) – *bản gốc*;
- Văn bản của bên tài trợ thống nhất với nội dung khoản viện trợ PCPNN và thông báo hoặc cam kết xem xét tài trợ cho khoản viện trợ PCPNN đó;

- Dự thảo văn kiện chương trình, dự án, danh mục các khoản viện trợ phi dự án (bằng cả tiếng Việt và tiếng nước ngoài) và dự thảo Thỏa thuận viện trợ PCPNN cụ thể (nếu được yêu cầu để ký kết thay văn kiện chương trình, dự án sau này),

- Các văn bản ghi nhớ với Bên tài trợ, báo cáo của đoàn chuyên gia thẩm định thực hiện theo yêu cầu của nhà tài trợ (nếu có);

- Bản sao Giấy đăng ký hoạt động và (hoặc) bản sao giấy tờ hợp pháp về tư cách pháp nhân của Bên tài trợ.

2. Nội dung chính của báo cáo thẩm định phải bao gồm đầy đủ các nội dung quy định chi tiết tại Khoản 3, Điều 12, Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP.

3. Thời hạn thẩm định đối với các khoản viện trợ PCPNN thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh là không quá 20 ngày, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Được quy định tại Điều 4, Thông tư số 07/2010/TT-BKH. Bao gồm:

- Bước 1: Thời hạn đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ thẩm định: không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Bước 2: Thời hạn các cơ quan liên quan trả lời ý kiến tham vấn bằng văn bản không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày phát hành văn bản gửi góp ý kiến các cơ quan liên quan. Sau thời hạn trên, nếu các cơ quan liên quan không có ý kiến bằng văn bản gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư thì được xem là các cơ quan liên quan đồng ý với việc tiếp nhận khoản viện trợ PCPNN.

- Bước 3: Thời hạn thẩm định.

+ Thời hạn chuẩn bị cho Hội nghị thẩm định: Không quá 3 ngày làm việc.

+ Thời hạn chuẩn bị báo cáo thẩm định và biên bản Hội nghị thẩm định: Không quá 4 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức Hội nghị thẩm định.

Điều 8. Phê duyệt các khoản viện trợ PCPNN

1. Thẩm quyền phê duyệt các khoản viện trợ PCPNN

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu giúp UBND tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt các khoản viện trợ PCPNN sau:

- Các khoản viện trợ PCPNN có nội dung liên quan đến an ninh, quốc phòng, tôn giáo và các khoản viện trợ trực tiếp hỗ trợ xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, các chủ trương, chính sách thuộc thẩm quyền ban hành của Thủ tướng Chính phủ và các cấp cao hơn, các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cả nước, ngành, lãnh thổ;

- Danh mục cụ thể các chủng loại hàng hóa, trang thiết bị có kết cấu đơn giản đã qua sử dụng còn hơn 80% so với giá trị sử dụng mới (được Bên tài trợ có văn bản xác nhận) phù hợp với nhu cầu và điều kiện sử dụng của tỉnh trong từng thời kỳ, để làm cơ sở cho UBND tỉnh phê duyệt việc tiếp nhận;

- Các khoản viện trợ PCPNN liên quan tới việc nhập khẩu ô tô và các phương tiện vận tải khác (máy bay, tàu, thuyền...).

b) Chủ tịch UBND tỉnh có thẩm quyền phê duyệt:

- Các khoản viện trợ PCPNN không thuộc quy định tại điểm a của khoản này;

- Các khoản hàng hóa đã qua sử dụng có kết cấu đơn giản còn hơn 80% so với giá trị sử dụng mới (được Bên tài trợ có văn bản xác nhận) thuộc danh mục đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nêu tại Tiết 2 Điểm a của khoản này;

- Các khoản cứu trợ khẩn cấp đã có địa chỉ cụ thể;

- Các khoản viện trợ mà đối tượng tiếp nhận là các tổ chức do Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc các cơ quan của UBND tỉnh quyết định thành lập hoặc cấp Giấy đăng ký hoạt động kinh doanh được quy định tại Điểm d Khoản 3, Điều 1 Quy chế này.

2. Quy trình phê duyệt các khoản viện trợ PCPNN

a) Đối với các khoản viện trợ PCPNN thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ:

- Chủ khoản viện trợ PCPNN lập hồ sơ trình Sở Kế hoạch và Đầu tư theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 7 Quy chế này.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định của pháp luật.

b) Đối với các khoản viện trợ PCPNN thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh:

- Chủ khoản viện trợ PCPNN lập hồ sơ trình Sở Kế hoạch và Đầu tư theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 7 của Quy chế này.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt theo quy định tại Khoản 3, Điều 7 của Quy chế này.

- Chủ tịch UBND tỉnh ký ban hành quyết định phê duyệt khoản viện trợ PCPNN trong vòng 05 ngày làm việc sau khi nhận được Báo cáo kết quả thẩm

định và Tờ trình đề nghị phê duyệt khoản viện trợ PCPNN của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

3. Văn bản quyết định phê duyệt khoản viện trợ PCPNN (bản chính) kèm theo văn kiện chương trình, dự án, thỏa thuận viện trợ PCPNN cụ thể, hồ sơ viện trợ phi dự án có đóng dấu giáp lai cũng như các tài liệu liên quan khác thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh phải được cơ quan chủ quản gửi tới Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và Ủy ban công tác về các tổ chức PCPNN trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày khoản viện trợ PCPNN được phê duyệt.

Chương IV

GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN VIỆN TRỢ PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI

Điều 9. Trách nhiệm giám sát, đánh giá viện trợ PCPNN

1. Trách nhiệm của Ban quản lý chương trình, dự án:

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 26, Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP.

2. Trách nhiệm của Chủ khoản viện trợ PCPNN và các cơ quan có liên quan:

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 26, Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu cho UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan và Bên tài trợ tổ chức tiến hành các phiên họp kiểm điểm định kỳ (hàng năm) và đột xuất đối với từng chương trình, dự án viện trợ PCPNN cũng như việc tiếp nhận, sử dụng các khoản viện trợ phi dự án; thực hiện giám sát, đánh giá việc tiếp nhận và thực hiện viện trợ PCPNN theo thẩm quyền.

4. Kinh phí cho công tác quản lý, giám sát, đánh giá viện trợ PCPNN của các cơ quan quản lý Nhà nước được cấp từ ngân sách Nhà nước theo chức năng và nhiệm vụ trong công tác quản lý, giám sát, đánh giá viện trợ PCPNN nêu tại Chương VI Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP.

Điều 10. Báo cáo quản lý, thực hiện các khoản viện trợ PCPNN

1. Ban Quản lý chương trình, dự án có trách nhiệm:

Lập và gửi báo cáo báo cáo định kỳ hàng quý và báo cáo năm chậm nhất vào ngày 01 tháng 01 của năm tiếp sau cho chủ khoản viện trợ PCPNN, cơ quan chủ quản và UBND tỉnh.

2. Chủ khoản viện trợ PCPNN có trách nhiệm:

a) Xây dựng và gửi báo cáo 0 tháng chậm nhất vào ngày 10 tháng 7 của năm báo cáo và báo cáo năm chậm nhất vào ngày 15 tháng 01 của năm tiếp sau cho cơ quan chủ quản, UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, đồng gửi cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ủy ban công tác về các tổ chức PCPNN.

b) Xây dựng và gửi báo cáo kết thúc, chậm nhất không quá 6 tháng sau khi kết thúc thực hiện các khoản viện trợ PCPNN cho các cơ quan cấp Cơ quan chủ quản, UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, đồng gửi cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ủy ban công tác về các tổ chức PCPNN.

c) Các báo cáo cho Bên tài trợ được thực hiện theo thỏa thuận với Bên tài trợ.

3. UBND tỉnh ủy quyền, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện báo cáo 6 tháng và hàng năm về kết quả vận động viện trợ PCPNN, kết quả phê duyệt, quản lý và tình hình thực hiện các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền quản lý UBND tỉnh, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và đồng gửi Bộ Tài chính, Ủy ban công tác về các tổ chức PCPNN chậm nhất vào ngày 30 tháng 7 của năm báo cáo và ngày 31 tháng 01 của năm tiếp sau.

4. Mẫu biểu báo cáo theo Quy định tại Chương IV, Thông tư số 04/2010/TT-BKH.

Điều 11. Kiểm tra, thanh tra và giám sát việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ PCPNN

1. Việc kiểm tra, thanh tra và giám sát việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ PCPNN được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Công tác kiểm tra định kỳ hàng năm hay đột xuất gửi cho Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể liên quan thực hiện.

Chương V

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ VIỆN TRỢ PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI

Điều 12. UBND tỉnh thống nhất quản lý Nhà nước theo quy định hiện hành đối với tất cả các hoạt động về viện trợ phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk từ vận động, đến đàm phán và ký kết viện trợ với các Bên tài trợ. Theo dõi, giám sát quá trình thực hiện và đánh giá kết quả, hiệu quả sử dụng các khoản viện trợ PCPNN trên địa bàn.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Kế hoạch và Đầu tư

Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối, giúp UBND tỉnh về quản lý và sử dụng các khoản viện trợ PCPNN trên địa bàn tỉnh theo quy định hiện hành. Ngoài các nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan đầu mối về quản lý và sử dụng các

khoản viện trợ quy định tại các Chương I, II, III và chương IV Quy chế này, có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1. Hướng dẫn xây dựng và tiếp nhận hồ sơ các chương trình, dự án đã được Bên tài trợ chấp nhận, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt hoặc tham mưu các thủ tục để UBND tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Chủ trì thẩm định và tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt các khoản viện trợ PCPNN được quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 8 Quy chế này và việc bổ sung, điều chỉnh các chương trình, dự án được quy định tại các Điểm b, Khoản 1 và Điểm b, Khoản 2 Điều 22, Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP.

3. Chủ trì và phối hợp với Sở Tài chính bố trí vốn đối ứng trong kế hoạch ngân sách tỉnh hàng năm cho các đơn vị thuộc đối tượng được cấp ngân sách để thực hiện các khoản viện trợ PCPNN đã cam kết với Bên tài trợ theo quy định của Luật Ngân sách.

4. Chủ trì và phối hợp với Sở Ngoại vụ và các ban, ngành, đơn vị liên quan khác tổ chức theo dõi, giám sát và đánh giá việc thực hiện nguồn viện trợ PCPNN trên địa bàn.

5. Tham mưu giúp UBND tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra các đơn vị trong việc tiếp nhận và thực hiện các khoản viện trợ PCPNN; kịp thời phát hiện và xử lý theo thẩm quyền các vướng mắc, khó khăn, những vi phạm trong quá trình triển khai tiếp nhận và sử dụng viện trợ PCPNN.

6. Giúp UBND tỉnh kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế này

Điều 14. Nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Tài Chính

1. Tham mưu cho UBND tỉnh thống nhất quản lý về tài chính đối với viện trợ PCPNN theo quy định của Nhà nước.

2. Hướng dẫn các đơn vị tiếp nhận viện trợ thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về quản lý tài chính viện trợ PCPNN.

3. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư bố trí vốn đối ứng trong kế hoạch ngân sách tỉnh hàng năm cho các đơn vị thuộc đối tượng được cấp ngân sách để thực hiện các khoản viện trợ PCPNN đã cam kết với Bên tài trợ theo quy định của Luật Ngân sách.

Điều 15. Nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Ngoại vụ

1. Sở Ngoại vụ là cơ quan đầu mối trong quan hệ và vận động viện trợ PCPNN trên địa bàn tỉnh, thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan đầu mối về quan hệ và vận động được quy định tại Quy chế này.

2. Thừa ủy quyền Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện đàm phán đối với các khoản viện trợ PCPNN thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh có mức vốn dưới 50.000 USD.

3. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan tổ chức các hoạt động xúc tiến, vận động viện trợ PCPNN trên địa bàn tỉnh.

4. Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan khác xây dựng danh mục vận động viện trợ PCPNN hàng năm và 5 năm tỉnh UBND tỉnh phê duyệt.

5. Xem xét, trình UBND tỉnh cấp phép cho người nước ngoài vào làm việc tại các chương trình, dự án viện trợ PCPNN trên địa bàn tỉnh.

6. Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan xem xét, thẩm mưu UBND tỉnh cho ý kiến về các nội dung liên quan đến việc tiếp nhận các khoản viện trợ PCPNN tại tỉnh, gia hạn thời hạn giấy phép hoạt động hoặc gia hạn mở rộng địa bàn hoạt động của các tổ chức PCPNN tại tỉnh.

7. Chủ động đề xuất UBND tỉnh kêu gọi cứu trợ khẩn cấp khi có thiên tai hoặc trong trường hợp cần thiết theo chủ trương của tỉnh.

8. Phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện các nhiệm vụ khác trong công tác quan hệ, vận động viện trợ PCPNN.

Điều 16. Nhiệm vụ và quyền hạn của Công an tỉnh

1. Tham mưu cho UBND tỉnh những vấn đề liên quan đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên lĩnh vực viện trợ PCPNN.

2. Hướng dẫn và hỗ trợ các đơn vị, tổ chức trên địa bàn tỉnh trong quá trình tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ PCPNN thực hiện đúng các quy định của pháp luật Việt Nam về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

3. Tham gia thẩm định các khoản viện trợ PCPNN thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh.

4. Thực hiện việc quản lý, chấp, xuất cảnh, cư trú, đi lại đối với người nước ngoài làm việc trong các tổ chức PCPNN tại Đắk Lắk.

5. Tiến hành các nhiệm vụ theo thẩm quyền khi phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật liên quan tới việc tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ PCPNN.

Điều 17. Nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Nội vụ

Hướng dẫn và hỗ trợ các đơn vị, tổ chức trên địa bàn tỉnh chấp hành thực hiện đúng lời, chính sách tôn giáo của Nhà nước trong quá trình tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ PCPNN.

Điều 18. Nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Tư pháp

Tham định về nội dung các chương trình, dự án viện trợ PCPNN trong lĩnh vực pháp luật thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc, khó khăn cần thay đổi, bổ sung, các ngành các cấp, cơ quan vị có văn bản góp ý để Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét điều chỉnh cho phù hợp. / *lc*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lữ Ngọc Cư